

Bản án số: 658/2018/DS-PT

Ngày: 13/12/2018.

V/v: Tranh chấp quyền sở hữu tài
sản là tiền đền bù quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Thanh.

- Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Phương Hạnh;

Ông Ngô Anh Dũng

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hoài- Thư ký
Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Văn Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà
Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 119/2017/TLPT-DS,
ngày 22 tháng 12 năm 2017 về việc: "Tranh chấp quyền sở hữu tài sản là tiền
đền bù quyền sử dụng đất". Do Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2017/DS-ST, ngày
29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 8006/2018/QĐ-PT ngày 28
tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Phi L, sinh năm 1961; nơi cư trú: Tổ 11B,
phường TL, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Phương Th, sinh năm 1954; nơi cư trú: Số nhà
905, Tổ 8, phường PX, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

Đại diện theo ủy quyền của bà Th và là người có quyền và nghĩa vụ liên
quan: Ông Trần Văn Th1, sinh năm 1950 (chồng bà Th). Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Th1: Luật sư Phạm Ngọc
Kh - Cộng tác viên Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1961 (vợ ông Nguyễn Phi L); nơi cư
trú: Tổ 11B - phường TL - thành phố TN - Thái Nguyên. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Phi L.

3.2. Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên. Người đại diện theo ủy quyền:
Ông Phan Thanh H - chức vụ Phó Giám đốc Sở tài nguyên và Môi trường (Theo
quyết định ủy quyền số 1552/QĐ-UBND ngày 26/6/2015 của Chủ tịch Ủy ban
nhân dân tỉnh Thái Nguyên). Có mặt.

3.3 Trung tâm phát triển quỹ đất Thành phố Thái Nguyên.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tiến Tr - chức vụ Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất Thành phố Thái Nguyên. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.4. Ông Trần Văn Th1, sinh năm 1950 (chồng bà Th); địa chỉ: Số nhà 905, Tổ 8, phường PX, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 29/11/2011 và các bản tự khai, lời khai tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Phi L trình bày:

Gia đình ông có thửa đất nông nghiệp do Hợp tác xã TL1 giao cho canh tác từ năm 1990 với diện tích 272m² tại thửa số 316, bản đồ 299. Nay là thửa 494, tờ bản đồ số 3, bản đồ địa chính phường PX, diện tích thực tế còn lại 203,7m². Vào khoảng năm 1990 gia đình bà Th được Ủy ban nhân dân (Sau đây viết tắt là: UBND) thành phố TN cấp 120m² đất làm nhà giáp thửa ruộng của ông. Khi bà Th đến ở đã lấn chiếm thửa đất của ông bằng cách đổi ruộng để canh tác tạm thời, vì bà Th không có ruộng để đổi nên đã lấn chiếm khoảng 70m² đất tại thửa 316 nêu trên của ông để làm nhà, đối với diện tích đất này, UBND tỉnh TN đã hợp thức thành đất ở cho hộ bà Th với diện tích là 66m². Tháng 5 năm 2000, ông làm hồ sơ xin đăng ký quyền sử dụng đất đối với thửa ruộng số 316, cán bộ địa chính đi đo thì lúc này thực trạng chỉ còn có 203,7m², ông cũng chấp nhận, bà Th là người ký xác nhận giáp ranh với thửa đất của ông để ông hoàn tất thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất, nhưng sau đó bà Th lại làm đơn tranh chấp nên việc đăng ký quyền sử dụng đất phải tạm dừng. Năm 2010, ông tiếp tục làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất và được UBND phường PX niêm yết công khai, không ai có thắc mắc gì. Khi UBND phường chuyển hồ sơ lên UBND thành phố để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông thì bà Th lại có đơn đề nghị giải quyết tranh chấp đất, vì vậy mà ông vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do bà Th đã chiếm của ông khoảng 70m² đất nông nghiệp để làm nhà trái phép và gây khó khăn cho ông trong việc đăng ký quyền sử dụng đất. Vì vậy ông L khởi kiện bà Th đến Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Phi L có đơn đề nghị Tòa án hủy bỏ quyết định số 3365/QĐ-UB ngày 19/12/2003 của UBND tỉnh TN về việc hợp thức hóa 66m² đất của UBND tỉnh TN cho hộ bà Th, ông L cho rằng 66m² đất này chính là phần đất gia đình bà Th đã lấn chiếm tại thửa 316 của gia đình ông trong quá trình gia đình bà Th đổ đất xây dựng nhà. Vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên đã ra quyết định chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên giải quyết theo thẩm quyền.

Sau khi TAND tỉnh Thái Nguyên thụ lý vụ án, nguyên đơn ông L có đơn xin rút một phần đơn khởi kiện về yêu cầu đề nghị Tòa án hủy bỏ quyết định số 3365/QĐ-UB ngày 19/12/2003 của UBND tỉnh Thái Nguyên đối với phần diện tích đất 66m² mà UBND tỉnh Thái Nguyên đã hợp thức hóa cho hộ bà Th. Ông L tiếp tục đề nghị Tòa án giải quyết tranh chấp, công nhận quyền sử dụng hợp

pháp cho ông đổi với thửa đất số 316 bản đồ 299, nay là thửa 494 bản đồ địa chính phường PX, với diện tích còn lại là 203,7m² (BL 289).

Bị đơn là Bà Nguyễn Thị Phương Th tại các bản tự khai, biên bản ghi lời khai tại Tòa án, lời khai tại phiên tòa trình bày: Bà khẳng định không có việc gia đình bà lấn chiếm khoảng 70m² đất của ông L tại thửa đất 316 để làm nhà như ông L đã trình bày. Thực tế năm 1991 gia đình bà đã thỏa thuận đổi cho ông L phần đất giáp ranh đất thổ cư gia đình bà để gia đình bà lấy đất phía trước giáp đường quốc lộ 3 và trả cho ông L phần đất phía sau cho vuông đất, nhưng do gia đình bà không có đất để đổi nên bà đã đưa tiền cho bố chồng bà là cụ Ch 3.000.000 đồng để cụ Ch trả cho ông L. Sau đó, đến năm 1993, bà đã thỏa thuận đổi cho ông L thửa đất 316 nhưng thực tế gia đình bà cũng không có đất để đổi nên bà đã trực tiếp đưa cho ông L 3.000.000 đồng để bà được sử dụng toàn bộ diện tích thửa 316 (nay là thửa 494) giáp liền kề với đất ở của gia đình bà để ông L đi mua chỗ khác. Việc cụ Ch đưa số tiền 3.000.000 đồng cho ông L và bà đưa số tiền 3.000.000 đồng cho ông L đều đưa tay không có giấy tờ giao nhận, ký kết giữa hai bên, tổng cộng hai lần đưa tiền cho ông L năm 1991 và năm 1993 là 6.000.000 đồng và gia đình bà đã sử dụng thửa đất 316 liên tục từ đó cho đến nay, trên đất bà trồng cây ăn quả như mít, chuối, nhãn... Bà không nhất trí yêu cầu khởi kiện của ông L.

Ngày 22/5/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên nhận được Đơn đề nghị được phản biện của bà Th, đến ngày 13/6/2017 bà Th tiếp tục có "Đơn phản tố lần thứ 2" gửi Tòa án. Theo nội dung hai đơn này, bà Th yêu cầu như sau: Đề nghị được xem, được biết, được thấy các chứng cứ như:

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu ruộng đất tại thửa ruộng sầm canh số 316 - 494 - 652.

- Hồ sơ xin chứng nhận quyền sử dụng đất đề ngày 05/5/2000 theo kết luận giám định.

- Hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đề tháng 5 năm 2000.

- Triệu tập nhân chứng liên quan đến vụ án: Ông Lưu Hồng Minh, bà Liên Nhơn, ông Mai Ngọc Thư.

- Đề nghị được triệu tập cán bộ phường gồm: Ông Hà Văn Bình, ông Đỗ Khải Hoàn, ông Đỗ Quang Mạnh – Phó chủ tịch phường PX, ông Trương Văn Hòa – Chủ tịch, Bí thư phường PX, ông Lê Bá Thọ - Phòng Tài nguyên Môi trường.

- Xem xét về tội hối lộ - tham nhũng đối với cán bộ địa chính phường – lãnh đạo phường.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quan điểm:

- Bà Nguyễn Thị Ch là vợ của ông L nhất trí như với khai của ông L.

- Ông Trần Văn Th1 là chồng của bà Th nhất trí với lời khai của bà Th.

- Đại diện theo pháp luật của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Thái Nguyên ông Nguyễn Tiến Trữ- Giám đốc trình bày: Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố đã phối hợp với UBND phường PX và các thành phần có liên quan làm việc với hai hộ gia đình ông L và bà Th để thống nhất công tác thu hồi, bồi

thường, lập phương án trình phê duyệt bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng. Hai hộ gia đình nhất trí thống kê, kê khai thu hồi đất và phương án bồi thường, hỗ trợ sẽ mang tên đồng quyền sử dụng đất là ông Nguyễn Phi L và Bà Nguyễn Thị Phương Th. Ngày 24/12/2012, UBND thành phố Thái Nguyên có quyết định số 14869/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án dự toán bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án Nhà máy điện tử GLONICS Việt Nam tại phường PX. Trong đó hộ ông Nguyễn Phi L và Bà Nguyễn Thị Phương Th được phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ thửa đất số 494, tờ bản đồ số 3, diện tích 203,7m² loại đất LUK với tổng số tiền là 103.581.450đ (một trăm linh ba triệu, năm trăm tám mươi một nghìn, bốn trăm năm mươi đồng). Do hai gia đình ông L, bà Th đang tranh chấp ai cũng nhận là đất của mình nên Trung tâm đã gửi số tiền phê duyệt của thửa đất số 494 này vào tài khoản tạm giữ của kho bạc thành phố TN. Quan điểm của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố đối với vụ kiện này: Sau khi Tòa án giải quyết xong việc tranh chấp giữa hai hộ gia đình ông Nguyễn Phi L và Bà Nguyễn Thị Phương Th đối với thửa đất số 494 tờ bản đồ số 3, diện tích 203,7m², đất LUK, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố sẽ có trách nhiệm phối hợp với UBND phường PX, chủ dự án chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho đối tượng theo quyết định của bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2017/DS-ST ngày 29/9/2017, Tòa án dân nhân tỉnh TN quyết định:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; Điều 34, Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 203 của Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm. Thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Phi L.

1. Ông Nguyễn Phi L và bà Nguyễn Thị Ch (vợ ông L) có quyền sở hữu số tiền đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với thửa đất số 316, bản đồ 299, nay là thửa đất số 494, bản đồ địa chính phường PX là 103.581.450đ (Một trăm linh ba triệu, năm trăm tám mươi một nghìn, bốn trăm năm mươi đồng).

2. Ông Nguyễn Phi L và bà Nguyễn Thị Ch có quyền liên hệ với Trung Tâm phát triển quỹ đất thành phố Thái Nguyên để nhận số tiền 103.581.450 đồng (Một trăm linh ba triệu, năm trăm tám mươi một nghìn, bốn trăm năm mươi đồng) là tiền thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng mà Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Thái Nguyên đang gửi vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước thành phố Thái Nguyên theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí giám định, án phí và thông báo về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/10/2017 bị đơn là Bà Nguyễn Thị Phương Th có đơn kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không xuất trình thêm chứng cứ, tài liệu nào mới và

không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Bà Th và ông Th1 khẳng định không đổi đất, không thuê đất của ông L mà là mua đất với tổng số tiền 6.000.000 đồng. Trong đó cụ Ch trả ông L 3.000.000 đồng vào khoảng năm 1993, bà Th trả ông L 3.000.000 đồng và khoảng năm 1991 - 1992. Tuy nhiên bà Th và ông Th1 không đưa ra được các chứng cứ hoặc người làm chứng để chứng minh cho quan điểm của mình.

- Ông L không thừa nhận quan điểm của ông Th1 và bà Th, giữ nguyên lời khai tại Tòa án cấp sơ thẩm.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Th1 có quan điểm: Sau khi bản án sơ thẩm số 01 của Tòa án nhân dân tỉnh TN bị Tòa án cấp phúc thẩm hủy để giải quyết lại, Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành thu thập thêm chứng cứ, bỏ qua sự kiện cụ Ch và bà Th đã giao tiền, mua đất của ông L... nhưng vẫn chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L là vi phạm thủ tục tố tụng. Việc UBND phường PX xử phạt hành chính bà Th thể hiện bà Th là người sử dụng đất; Ông L còn bán đất cho 03 người khác là có dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự; bà Th khẳng định không ký vào hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông L, ông Hiền vào thời điểm đó đã chết nên không thể ký xác nhận nên ông L là người giả mạo chữ ký... Đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm giao hồ sơ về Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên giải quyết lại.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa có quan điểm:

+ Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng cơ bản chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

+ Về kháng cáo của bị đơn: Tại phiên tòa phúc thẩm bà Th và chồng là ông Th1 khẳng định không đổi đất mà là mua đất của gia đình ông L nhưng không đưa ra được các chứng cứ để chứng minh. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Th, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 07/2017/DS-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án dân nhân tỉnh Thái Nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra công khai tại phiên tòa, ý kiến trình bày và tranh luận của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa, xét kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Gia đình ông L được Hợp tác xã TL1 giao cho canh tác tại thửa số 316, bản đồ 299 từ năm 1990 với diện tích 272m². Nay là thửa 494, tờ bản đồ số 3, bản đồ địa chính phường PX, diện tích thực tế còn lại 203,7m² là sự thực. Vào năm 1991 giữa gia đình bà Th và gia đình ông L có việc thỏa thuận về việc đổi đất cho nhau, theo đó: Hộ bà Th lấy phần đất phía trước giáp đường quốc lộ 3 và bà Th trả cho hộ ông L phần đất phía sau cho vuông đất của gia đình bà Th. Tuy nhiên thỏa thuận này không được thực hiện, chính bà Th thừa nhận trong hồ sơ và tại phiên tòa hôm nay là không có đất để đổi cho ông L. Bà Th cho rằng bà là người có quyền sử dụng đất là do đã mua đất của ông L xong không có chứng cứ như giấy

tờ mua bán, chuyển nhượng, giấy nhận tiền hay đưa ra được người làm chứng để chứng minh.

[1.1] Hội đồng xét xử xét thấy lời khai của bà Th về việc giao tiền cho ông L có nhiều mâu thuẫn, cụ thể: Bà Th khai đã đưa cho cụ Ch (bố chồng bà Th) số tiền 1.000.000 đồng để trả cho ông L. Sau đó, đến năm 1993, bà Th lại thỏa thuận với ông L về việc đổi toàn bộ diện tích thửa đất số 316 nêu trên nhưng cũng không có đất để đổi, nên bà Th đã trực tiếp đưa cho ông L 2.000.000 đồng để gia đình bà Th được sử dụng toàn bộ diện tích thửa đất 316 (nay là thửa đất số 494) liền kề với đất ở của gia đình bà (Bút lục: 60, 61, 62, 70, 144, 145, 157, 158, 166, 167, 275, 276, 320 và 321). Bà Th còn có lời khai: "... tôi là người đưa tiền cho bố chồng tôi để trả cho anh L với số tiền là 3.000.000 đồng, từ đó tôi sử dụng mảnh đất này..." (Bút lục 418). Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 29/9/2017 bà Th lại khai: "... năm 1991 tôi đưa cho bố chồng tôi là cụ Ch với số tiền là 3.000.000 đồng để trả cho anh L là tiền mua thửa ruộng số 316 nêu trên. Đến năm 1993 tôi là người trực tiếp đưa cho anh L 3.000.000 đồng. Tổng cộng hai lần đưa cho anh L là 6.000.000 đồng để gia đình tôi được sử dụng toàn bộ thửa ruộng số 316, việc đưa tiền cho anh L tôi xác nhận chỉ đưa tay, không có giấy tờ giao nhận".

[1.2] Nguyên đơn là ông L không thừa nhận đã được nhận số tiền 6.000.000 đồng như bà Th đã trình bày. Ông L cho rằng hai gia đình có việc thỏa thuận đổi ruộng đất nhưng do gia đình bà Th không có đất để đổi nên không thành; gia đình ông vẫn tiếp tục sử dụng thửa đất trên từ năm 1990 đến năm 2000 thì ông L làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất, hộ bà Th đã ký giáp ranh vào Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất và biên bản đo đạc hiện trạng. Nhưng sau đó, bà Th lại có hành vi cản trở nên phát sinh tranh chấp từ đó đến nay.

[2] Về việc sử dụng thửa đất số 316, nay là thửa 494: Bà Th cũng không chứng minh được bà là người sử dụng liên tục thửa đất từ năm 1993 đến thời điểm phát sinh tranh chấp năm 2000 và việc bà đã trồng cây ăn quả trên diện tích đất tranh chấp như bà đã khai. Tại Phương án bồi thường, hỗ trợ đất nông nghiệp, dự án: Xây dựng nhà máy điện tử Glonics Việt Nam tại phường PX, thành phố TN thể hiện diện tích 203,7m² tại thửa 494 là đất trống (BL479).

[3] Năm 2000, ông L có làm đơn kê khai theo diện tích thực tế 203,7m² và đã được cơ quan địa chính đi đo vẽ, các bên giáp ranh đều ký không có tranh chấp. Chính bà Th cũng là người đã ký giáp ranh vào đơn xin cấp đất của ông L, thủ tục ông L đã làm đầy đủ và UBND phường đã chuyển hồ sơ lên UBND thành phố để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông. Trong khi chờ UBND thành phố cấp thì bà Th có đơn cho rằng thửa đất 316 là của bà Th vì vậy UBND thành phố tạm dừng việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L. Bà Th khẳng định bà không giáp ranh vào đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông L năm 2000, nếu giám định đúng chữ viết và chữ ký là của bà thì bà sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật và nhất trí công nhận mảnh đất này là của ông L. Tại bản kết luận giám định số 656 ngày 21/01/2013 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an xác định: *Chữ ký ngay sau dòng có nội dung: "Phía đông: giáp đất hộ bà Th" tại trang 01 trên đơn xin cấp Giấy chứng*

nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Phi L đề ngày 05/5/2000 (ký hiệu A) với chữ ký của Bà Nguyễn Thị Phương Th trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M13) là do cùng một người ký ra". Sau khi có kết quả giám định, Tòa án cấp sơ thẩm đã lấy lời khai của bà Th và hỏi bà có đề nghị giám định lại chữ ký và chữ viết không, thì bà Th khẳng định bà không được ký nên bà không yêu cầu giám định lại (Bút lục 275). Do vậy, có đủ căn cứ để xác định chữ ký là người giáp ranh trong Đơn xin cấp quyền sử dụng đất của ông L vào tháng 5 năm 2000 là chữ ký của bà Th.

[4] Với những phân tích, chứng cứ trên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quyền sử dụng thửa đất ruộng số 316, tờ bản đồ 299, diện tích thực tế còn lại 203,7m² nêu trên là thuộc quyền sử dụng của hộ gia đình ông L, bà Ch (vợ ông L). Hiện nay, thửa đất số 316 (nay là thửa 494) nêu trên Nhà nước đã thu hồi, giải phóng mặt bằng để bàn giao cho công ty Glonics. Tổng số tiền đền bù hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với thửa 494, tờ bản đồ số 3, bản đồ địa chính là 103.581.450^d. Số tiền này đã được Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố TN gửi vào tài khoản tạm giữ của Kho bạc nhà nước tỉnh TN. Do đó, bản án sơ thẩm quyết định cho ông L và bà Nguyễn Thị Ch (vợ ông L) có quyền liên hệ với Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố TN để nhận số tiền đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với diện tích đất 203,7m² là có căn cứ.

[5] Các nội dung khác trong "Đơn phản kiện" của bà Th không thuộc thẩm quyền của Tòa án như bản án sơ thẩm đã xác định là phù hợp.

[6] Với những phân tích trên, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa về việc không chấp nhận kháng cáo của bà Th, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng Dân sự và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của Bà Nguyễn Thị Phương Th, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2017/DS-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên như sau:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; Điều 34, Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 203 của Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm. Thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Phi L.

1. Ông Nguyễn Phi L và bà Nguyễn Thị Ch (vợ ông L) có quyền sở hữu số tiền đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với thửa đất số 316, bản đồ 299, nay

là thửa đất số 494, bản đồ địa chính phường PX là 103.581.450^d (Một trăm linh ba triệu, năm trăm tám mươi một nghìn, bốn trăm năm mươi đồng).

2. Ông Nguyễn Phi L và bà Nguyễn Thị Ch có quyền liên hệ với Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Thái Nguyên để nhận số tiền 103.581.450 đồng (Một trăm linh ba triệu, năm trăm tám mươi một nghìn, bốn trăm năm mươi đồng) là tiền thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng mà Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Thái Nguyên đang gửi vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước thành phố Thái Nguyên theo quy định của pháp luật.

3. Bà Nguyễn Thị Phương Th phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, đối trừ với số tiền 300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0005610 ngày 18/10/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh TN, bà Th đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Cục THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HCTP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Hải Thanh